

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	PP LẬP
1	2	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	Tổng PS Có: TK 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp DV TK 512-Doanh thu bán hàng nội bộ
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	Tổng giá trị các định khoản: Nợ TK 511, 512/ Có TK 521-CKTM Nợ TK 511, 512/ Có TK 531-HBBTL Nợ TK 511, 512/ Có TK 532-GGHB Nợ TK 511, 512/ Có TK 3333-Thuế XK Nợ TK 511, 512/ Có TK 3332-Thuế TTĐB
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	
4. Giá vốn hàng bán	11	Tổng giá trị định khoản: Nợ TK 911/ Có TK 632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	Tổng giá trị định khoản: Nợ TK 515/ Có TK 911
7. Chi phí tài chính	22	Tổng giá trị định khoản Nợ TK 911/ Có TK 635
- Trong đó: chi phí lãi vay	23	(sổ chi tiết TK 635)
8. Chi phí bán hàng	24	Tổng giá trị định khoản: Nợ TK 911/ Có TK 641
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	Tổng giá trị định khoản: Nợ TK 911/ Có TK 642
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	
11. Thu nhập khác	31	Tổng giá trị định khoản: Nợ TK 711/ Có TK 911
12. Chi phí khác	32	Tổng giá trị định khoản: Nợ TK 911/ Có TK 811
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	Chênh lệch:

		+ Nợ TK 911/ Có 8211 trừ (-) Nợ TK 8211/ Có TK 911>0: ghi số dương + Nợ TK 911/ Có 8211 trừ (-) Nợ TK 8211/ Có TK 911<0: ghi số âm
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	Chênh lệch: + Nợ TK 911/ Có 8212 trừ (-) Nợ TK 8212/ Có TK 911>0: ghi số dương + Nợ TK 911/ Có 8212 trừ (-) Nợ TK 8212/ Có TK 911<0: ghi số âm
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	Xem hướng dẫn chuẩn mực kế toán số 30 “Lãi trên cổ phiếu”

Lưu ý: Chuyển số liệu chi phí thuế TNDN

Báo cáo KQKD	Tờ khai QT thuế TNDN
Tổng doanh thu (kế toán)	Lợi nhuận kế toán trước
(-) tổng chi phí (kế toán)	(+) Điều chỉnh tăng Tăng doanh thu (+) Giảm chi phí (+)
(=) Lợi nhuận kế toán trước thuế	(-) Điều chỉnh giảm Giảm doanh thu (-) Tăng chi phí (-)
(-) CP thuế TNDN hiện hành	(=) Thu nhập tính thuế
CP thuế TNDN hoãn lại	(x) Thuế suất
(=) Lợi nhuận sau thuế	(=) Thuế TNDN

(1) Arrow from "(=) Lợi nhuận kế toán trước thuế" to "Lợi nhuận kế toán trước"

(2) Arrow from "(=) Lợi nhuận sau thuế" to "(=) Thuế TNDN"